TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Văn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nịnh Văn Yên và bà Vi Thị Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2019/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 02/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt – không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Trọng N) và chị Ngô Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/12/2010 tại UBND xã Y, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại Thôn X, xã Y, huyện TY. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận cho đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính cách và luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, dẫn đến vợ chồng không có Bg nói chung. Chị H thường xuyên bỏ nhà đi theo bạn bè, không hỏi hay thông báo cho anh biết, khoảng vài tuần mới về thăm con một lần. Anh đã khuyên bảo Chị H rất nhiều lần và nhờ gia đình nội ngoại hai bên bảo ban Chị H tu chí làm ăn, ở nhà

chăm lo, chăm sóc cho các con nhưng Chị H nhất quyết không nghe. Vẫn tiếp tục bỏ nhà đi theo bạn bè, sống buông thả, không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc cuộc sống của chồng con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ đầu năm 2017 anh chị đã sống ly thân với nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị H.

Về con chung: Anh (Ninh) và chị Ngô Thị H có 02 con chung, tên là Nguyễn Thanh A – sinh ngày 03/10/2011 và Nguyễn Trọng B – sinh ngày 31/8/2014.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn Thanh A và Nguyễn Trọng B cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh không yêu cầu chị Ngô Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Ngô Thị H không có tài sản chung, không nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Ngô Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Chị H không hợp tác, không chấp hành quy định của pháp luật và không có văn bản thể hiện quan điểm.

Tại đơn xin xét xử vắng, anh Nguyễn Trọng N giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Ngô Thị H thể hiện: Anh N và Chị H có kết hôn hợp pháp, sinh sống tại tại phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị H đi làm ăn kinh tế ở ngoài, không quan tâm tới chồng con. Năm 2017 Chị H có yêu cầu xin ly hôn với Anh N, Chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh chị nhưng không thành. Từ đầu năm 2017 Chị H đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con; về con chung: Xác nhận đúng như Anh N trình bày. Hiện nay Anh N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh A và Nguyễn Trọng B. Anh N có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo việc trực tiếp nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tại Chính quyền địa phương, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY có quan điểm: Mâu thuẫn giữa Anh N và Chị H đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N; anh Nguyễn Trọng N được ly hôn với chị Ngô Thị H; về việc nuôi con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Thanh A và Nguyễn Trọng B cho anh Nguyễn Trọng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Chị Ngô Thị H – là: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Chị H thường xuyên vắng mặt tại địa phương và Anh N không biết Chị H đang ở đâu, làm gì; Chị H không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Việc Chị H vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Chị H, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Như vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngô Thị H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng chị Ngô Thị H không hợp tác, không đến Tòa án và không có văn bản thể hiện quan điểm. Ngày 09 tháng 3 năm 2020 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ và đã tống đạt hợp lệ quyết định trên cho chị Ngô Thị H nhưng tại phiên toà ngày 25 tháng 3 năm 2020 Chị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 02/2020/QĐST-HNGĐ; đến ngày 02/4/2020 để thực hiện biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ đã ấn định lại ngày mở lại vào ngày 14/5/2020. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Quyết định hoãn phiên tòa cho Chị H. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Ngô Thị H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đây là vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã B hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Chính quyền địa phương nơi anh Nguyễn Trọng N và chị Ngô Thị H chung sống để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Trọng N và chị Ngô Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện TY vào ngày 21/02/2010 đúng theo quy định tại Điều 9, 11, 12, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Anh N xác nhận cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn do lỗi của chị Ngô Thị H thường xuyên bỏ nhà đi theo bạn bè, không quan tâm đến gia đình chồng con. Mâu thuẫn giữa Anh N và Chị H đã diễn ra từ đầu năm 2017 đến nay. Tòa án nhân dân huyện TY đã B hành xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống, thể hiện Anh N và Chị H có kết hôn hợp pháp, sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn diễn ra từ đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị H thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình. Năm 2017 Chị H đã có yêu cầu xin ly hôn với Anh N, Chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không thành, không khắc phục được mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Ngô Thị H vắng mặt (không có lý do) và không có văn bản thể hiện quan điểm nên Chị H không có quan điểm về việc Anh N yêu cầu ly hôn chị. Việc này chứng minh Chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Chị H thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn do lỗi của Chị H. Từ những phân tích trên, thấy tình cảm vợ chồng thực sự không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng N là cần thiết.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng N và chị Ngô Thị H có 02 con chung, tên là Nguyễn Thanh A – sinh ngày 03/10/2011 và Nguyễn Trọng B – sinh ngày 31/8/2014.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Trọng N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn Thanh A và Nguyễn Trọng B cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh N không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thanh A có lời khai muốn ở với Anh N. Anh N có công việc làm, chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo việc trực tiếp nuôi con mà không cần Chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 con chung Nguyễn Thanh A và Nguyễn Trọng B cho anh Nguyễn Trong Ninh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Ngô Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở Chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng N được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Thanh A – sinh ngày 03/10/2011 và Nguyễn Trọng B – sinh ngày 31/8/2014 cho anh Nguyễn Trọng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Ngô Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở Chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án anh đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008201 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Anh N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N, Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, QĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Kim Văn Sơn